TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN YÊN
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 39/2017/HNGĐ- ST

Ngày 06-9-2017
V/v ly hôn và nuôi
con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN- TỈNH YÊN BÁI
Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Văn Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Hữu Thao
- Ông Phạm Văn Tiến

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Trang- Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Huấn- Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Văn Yên mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 168/2017/TLST-HNGĐ ngày 24-7-2017 về về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 15-8-2017; quyết định hoãn phiên tòa số 20/QĐST-HNGĐ ngày 30-8-2017 giữa:

Nguyên đơn: Chị Triệu Thị D, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện V, tỉnh Yên Bái- Có mặt.

Bị đơn: Anh Vi Văn B, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện V, tỉnh Yên Bái- Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và bản tự khai ngày 24-7-2017 chị Triệu Thị D trình bày:

Chị D và anh Vi Văn B kết hôn với nhau năm 2009. Đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V. Trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc. Đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh B hay rượu chè, cờ bạc về nhà chửi mắng đánh đập vợ con. Chị D đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh B không thay đổi. Chị D đã sống ly thân anh B từ năm 2015. Nay chị D xác định tình cảm không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B.

Về con chung: Chị D và anh B có 02 con chung tên là Vi Văn M, sinh ngày 25-6-2009 và Vi Văn T, sinh ngày 01-7-2013. Chị D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu T, để anh B trực tiếp nuôi cháu M. Các bên không phải cấp dương nuôi con.

Về tài sản chung: Chị D và anh B không có tài sản chung.

Về nợ chung: Chị D và anh B không nợ chung

Để chứng minh cho yêu cầu của mình đưa ra, chị D đã cung cấp cho Tòa án các chứng cứ gồm: Trích lục kết hôn; bản sao sổ hộ khẩu gia đình; giấy xác nhận về chứng minh nhân dân; bản sao giấy khai sinh của Cháu M và cháu T.

Bị đơn anh Vi Văn B được Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ để tiến hành giải quyết vụ án, nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên tại phiên tòa hôm nay phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật Thẩm phán đã thực hiện đúng theo điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần thực hiện nguyên tắc xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục quy định tại điều 70, 71 và điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt của bị đơn.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53, 56, 57; 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình; điều 147, điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 xử cho chị Triệu Thị D được ly hôn anh Vi Văn B; giao cháu Vi Văn T, sinh ngày 01-7-2013 cho chị Triệu Thị D trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Vi Văn M, sinh ngày 25-6-2005 cho anh Vi Văn B trực tiếp nuôi dưỡng; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung; chị D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến đề nghị của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Thẩm phán, thư ký trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự không có khiếu nại về hành vi quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, ngươi tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Vi Văn B được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt của bị đơn.

[2] *Về tình cảm:* Chị Triệu Thị D và anh Vi Văn B kết hôn với nhau năm 2009, đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã L, huyện V, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu. Đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị D và anh B chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh B rượu chè, cờ bạc không quan tâm đến gia đình vợ con. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2015. Qua xác minh tại gia đình và thôn xóm nơi chị D, anh B cư trú cũng xác nhận: Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do chị D bỏ đi làm ăn xa, anh B cũng đi làm ăn không quan tâm đến nhau. Hiện nay anh chị không chung sống cùng nhau nữa. Như vậy mâu thuẫn giữa chị D và anh B là trầm trọng. đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị D là có căn cứ, được chấp nhận. Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình xử chị D được ly hôn anh B.

[3] *Về con chung*: Chị D và anh B có 02 con chung tên là Vi Văn M, sinh ngày 25-6-2009 và Vi Văn T, sinh ngày 01-7-2013. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu T, để anh B nuôi cháu M, hai bên không phải cấp dương nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng cháu M hiện nay đang ở cùng anh B, nguyện vọng của cháu được ở với anh B. Còn cháu T còn nhỏ đang ở cùng chị D. Nên yêu cầu về việc nuôi con của chị D là phù hợp vơi quy định của pháp luật, phù hợp với thực tế và nguyện vọng của cháu M được chấp nhận. Cần áp dụng điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình xử giao cháu M cho anh B nuôi dưỡng, giao cháu T cho chị D nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] *Về tài sản chung*: Chị D và anh B không có tài sản chung.

[5]*Về nợ chung*: Chị D và anh B không nợ chung

[6] *Về án phí*: Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 53, 56, 57; 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, 273, 280 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân xử: Chị Triệu Thị D được ly hôn anh Vi Văn B

2- Về con chung xử: Giao cháu Vi Văn T, sinh ngày 01-7-2013 cho chị Triệu Thị D được trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Vi Văn M, sinh ngày 25-6-2009 cho anh Vi Văn B trực tiếp nuôi dưỡng. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con không ai được ngăn cản.

3- Về án phí: Chị Triệu Thị D phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị D đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số: AA/2013/04504 ngày 24-7-2017 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Yên. Chị D đã nộp đủ án phí.

4- *Quyền kháng cáo*:

- Chị Triệu Thị D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Anh Vi Văn B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TA Tỉnh Yên Bái;
- VKS Văn Yên;
- CCTHA Văn Yên;
-UBND xã L;
- Các đương sự (02);
- Lưu HS. TA

Hoàng Văn Anh